

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 14/5/2021
“V/v Ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Bắc
- *Các thẩm phán:* Ông Đoàn Ngọc Thiện
Ông Trương Văn Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Thành Thị Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03/12/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn”, do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2021/QĐ-PT ngày 14/4/2021, quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2021/QĐ-TA ngày 13/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Quốc H, sinh năm 1984
Địa chỉ: khu phố X, thị trấn Ph, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)
 2. *Bị đơn:* Bà Lê Đoàn Kim Th, sinh năm 1985
Địa chỉ: Ấp Ph, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)
- Người kháng cáo:*** Nguyên đơn Ông Trương Quốc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2020, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ông Trương Quốc H trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, năm 2014 ông và Bà Lê Đoàn Kim Th tự nguyện chung sống, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nhiều lần ly thân, lần gần nhất từ năm 2018 đến nay.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Th.

Về con chung: có 02 con chung là Trương Lê Thảo Q (sinh ngày 16/3/2015) và Trương Lê Hương Th (sinh ngày 11/9/2018) đang do bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện, ông đồng ý giao 02 con cho bà Th nuôi, nhưng quá trình giải quyết ông yêu cầu được nuôi con lớn là cháu Q, và giao cho bà Th nuôi dưỡng con nhỏ là cháu Th, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, bởi các căn cứ:

- Về kinh tế: Ông có nhà cửa ổn định, có đất đai, có công việc làm ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi cháu Q.

- Về thời gian chăm sóc: Ông làm việc theo ca, có ngày làm ca sáng (từ 6h00 đến 14h00), có ngày làm ca chiều (từ 14h00' đến 2h00') nhưng những lúc ông vắng đã có bố mẹ và các em của ông phụ chăm sóc tốt cho cháu Q.

- Về điều kiện tinh thần: hiện cháu Q không quý mến, gần gũi ông bằng bà Th nên chắc chắn sẽ muốn ở với bà Th hơn. Ông sẽ dành thời gian gần gũi chăm sóc, chở bé đi chơi nhiều nơi và bé được đón nhận tình cảm yêu thương từ ông bà nội cùng các chú, sẽ dần quen và sẽ sống tốt hơn là ở với bà Th.

Ông không đồng ý việc bà Th yêu cầu nuôi cả 2 con chung vì bà Th kinh tế khó khăn, hiện là giáo viên trường mầm non thời gian bận rộn, một mình chăm sóc cho cả hai con sẽ không tốt bằng mỗi người chăm một cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Ý kiến của bị đơn Bà Lê Đoàn Kim Th:

Thông nhất với lời trình bày của ông H về thời gian, điều kiện kết hôn, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không quan tâm, chăm sóc cho cuộc sống gia đình, rất ít khi ở nhà, không có sự quan tâm chia sẻ với vợ những công việc trong gia đình, thường đi làm cả tuần mới ở nhà một hai hôm. Do đó, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Sau khi bà sinh con đầu lòng, hai vợ chồng đã ly thân hơn một năm. Bà vì con quay về đoàn tụ nhưng ông H vẫn không thay đổi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà xác định tình cảm không thể hàn gắn, vợ chồng không còn yêu thương nhau, nên đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: có hai con chung như ông H trình bày, đang ở với bà từ khi hai vợ chồng ly thân. Bà yêu cầu được nuôi cả hai cháu, không đồng ý giao cháu Q cho ông H nuôi vì cháu còn quá nhỏ, bị hen suyễn và các bệnh khác, phải đi bệnh viện 2-3 lần/tháng, mỗi ngày đều phải uống thuốc, ăn uống, chăm sóc theo chế độ riêng phù hợp với sức khỏe của cháu. Ông H rất ít chăm sóc con, nên mỗi lần đến thăm, giữa cháu và cha không có tình cảm yêu thương nhau. Do đó, bà không thể yên tâm giao cháu Q cho ông H và gia đình chăm sóc. Về điều kiện kinh tế thì bà đã có nhà cửa, đất đai và công việc ổn định đảm bảo về vật chất để nuôi con tốt.

Về cấp dưỡng: Bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 2 con chung 1.500.000 đồng/tháng/mỗi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Đăk đã quyết định cho Ông Trương Quốc H ly hôn với Bà Lê Đoàn Kim Th; giao cả hai con chung là Trương Lê Thảo Q, sinh ngày 16/3/2015 và Trương Lê Hương Th, sinh ngày 11/9 năm 2018 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng; ông H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/mỗi con từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền thăm nom, chăm sóc con chung, quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con, án phí, quyền kháng cáo, yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ phát sinh từ việc chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Ngày 08/10/2020, nguyên đơn Ông Trương Quốc H có đơn kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ về quyền nuôi con chung; đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng để ông được quyền nuôi dưỡng 01 con chung là cháu lớn Trương Lê Thảo Q (sinh năm 2015), giao cháu nhỏ Trương Lê Hương Th (sinh năm 2018) cho Bà Lê Đoàn Kim Th trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

5. Tại phiên tòa hôm nay, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác liên quan đến việc giải quyết vụ án. Qua giải thích pháp luật, vận động hòa giải, các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về con chung sau khi ly hôn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận: Bà Th trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

6. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm chưa đảm bảo theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn Trương Quốc H đúng theo quy định pháp luật, và trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Trương Quốc H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với Bà Lê Đoàn Kim Th, được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn Ông Trương Quốc H kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Căn cứ các Điều 38, 270, 271, 273, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa phúc thẩm. Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa, không phải hoãn hay tạm ngừng phiên tòa.

[2.] *Xét nội dung kháng cáo của Ông Trương Quốc H:*

[2.1.] Theo quyết định của cấp sơ thẩm, bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, trong đó có cháu bé dưới 36 tháng tuổi; ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H kháng cáo yêu cầu mỗi người được quyền nuôi dưỡng một con chung; ông nuôi cháu lớn là Trương Lê Thảo Q (sinh năm 2015), còn bà Th nuôi cháu nhỏ Trương Lê Hương Th (sinh năm 2018), không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Qua giải thích pháp luật, vận động hòa giải, các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về con chung sau khi ly hôn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận: Bà Th trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần cho các con chung, không làm thiệt hại đến lợi ích Nhà nước, xã hội, cộng đồng hay bên thứ ba, nên cần ghi nhận.

[2.2.] Qua phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung liên quan đến quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, án phí sơ thẩm liên quan đến việc cấp dưỡng nuôi con.

[3.] *Về án phí:* Ông Trương Quốc H kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Trương Quốc H; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn Trương Quốc H và bị đơn Lê Đoàn Kim Th về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà

Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 38, 270, 271, 273, 293; các Điều 147, 148, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trương Quốc H về việc “Xin ly hôn” với Bà Lê Đoàn Kim Th.

1. *Về hôn nhân:* Ông Trương Quốc H và Bà Lê Đoàn Kim Th được ly hôn.

2. *Về con chung:* Giao cả hai con chung là Trương Lê Thảo Q (sinh ngày 16/3/2015) và Trương Lê Hương Th (sinh ngày 11/9/2018) cho Bà Lê Đoàn Kim Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con, được quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con; cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Án phí sơ thẩm:*

Ông Trương Quốc H nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, theo là theo biên lai thu số TU/2019/0002448 ngày 07/02/2020, nên đã nộp xong.

5. *Án phí phúc thẩm:*

Ông Trương Quốc H nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, theo là theo biên lai thu số TU/2020/0000944 ngày 08/10/2020, nên đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14/5/2021).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): NV, Tòa Dân sự, hồ sơ.

Trần Minh Bắc

